

Số: 43/2026/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tham gia tập trung tập huấn, thi đấu**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi  
Luật số 26/2018/QH14;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Luật Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của  
Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia  
tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân  
sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của  
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở  
nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;*

*Xét Tờ trình số 11740/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 144/BC-HĐND ngày 01 tháng 10 năm 2026  
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy  
ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo 419/BC-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026, Báo  
cáo số 429/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu  
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách  
đối với thành viên đội thể thao trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tham gia tập trung  
tập huấn, thi đấu.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao  
được tuyển chọn, triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để tập trung  
tập huấn, thi đấu theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-  
CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối

với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu (*ghi tắt là Nghị định số 349/2025/NĐ-CP*), gồm: đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh và nhân viên y tế tham gia các đội tuyển nêu trên.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thành viên đội thể thao gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh tuyển chọn, triệu tập tham gia đội tuyển của tỉnh để tập trung tập huấn, thi đấu.

b) Nhân viên y tế (bác sỹ, kỹ thuật y) đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế tham gia huấn luyện, tập luyện, thi đấu thường xuyên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Chế độ thực phẩm chức năng đối với vận động viên**

1. Vận động viên thuộc điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng mức 40.000 đồng/người/ngày.

2. Thời gian chi chế độ thực phẩm chức năng cho vận động viên được tính theo thực tế các buổi tập huấn và thi đấu nhưng không quá 90 ngày/người/năm.

## **Điều 4. Chế độ đãi ngộ đặc thù cho vận động viên**

1. Vận động viên đạt thành tích xuất sắc được phong đẳng cấp thì hưởng chế độ đãi ngộ hằng tháng (12 tháng), cụ thể như sau:

- Kiện tướng quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Cấp I quốc gia: 1.000.000 đồng/người/tháng.

2. Vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu tại các đội tuyển quốc gia, ngoài các chế độ được hưởng theo quy định đối với vận động viên của đội tuyển quốc gia, thì vận động viên được hỗ trợ thêm tiền ăn tập huấn, thi đấu hằng ngày, tính từ ngày có quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền đến khi kết thúc đợt tập huấn, thi đấu theo quyết định, như sau:

- Tập huấn và thi đấu đội tuyển Quốc gia: 200.000 đồng/người/ngày.
- Tập huấn và thi đấu đội tuyển trẻ Quốc gia: 150.000 đồng/người/ngày.

3. Vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đạt thành tích theo tiêu chí quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này được hưởng chế độ đãi ngộ hằng tháng theo Phụ lục 1, cụ thể như sau:

a) Vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu cá nhân được hưởng mức đãi ngộ hằng tháng tương ứng với hệ thống giải thi đấu, nhóm môn thể thao và thành tích đạt được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Vận động viên đạt thành tích tại các môn thể thao tập thể hoặc các nội dung thi đấu có từ 10 người trở lên trong cùng một lần thi được hưởng 50% mức đãi ngộ quy định tại điểm a khoản này.

4. Trường hợp vận động viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đồng thời đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này thì chỉ được hưởng chế độ ở mức cao nhất.

Trong thời gian đang hưởng chế độ ở mức cao nhất, nếu vận động viên tiếp tục đạt thành tích mới thì được xem xét, điều chỉnh chế độ theo thành tích cao nhất đạt được. Khi hết thời gian hưởng chế độ theo thành tích cao nhất, nếu vẫn còn thời gian hưởng chế độ đối với thành tích đạt được tại các giải khác thì vận động viên tiếp tục được hưởng chế độ đối với thành tích đó, theo nguyên tắc chỉ hưởng chế độ theo thành tích cao nhất tại cùng thời điểm.

5. Thời gian tính hưởng chế độ: Thành tích của năm trước được bắt đầu tính hưởng từ tháng 01 của năm sau.

6. Vận động viên được hưởng chế độ quy định tại Điều này khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vận động viên được tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và quản lý tại Trung tâm Huấn luyện và Đào tạo thể thao tỉnh Khánh Hòa, sau khi đạt thành tích vẫn còn phục vụ cho ngành thể dục, thể thao tỉnh Khánh Hòa.

b) Vận động viên nghỉ thi đấu do chấn thương (chấn thương trong khi thực hiện nhiệm vụ) có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

c) Vận động viên hoàn thành nhiệm vụ (kết thúc sự nghiệp thi đấu) và được cơ quan trực tiếp sử dụng vận động viên xác nhận.

7. Trong thời gian hưởng chế độ quy định tại Điều này, trường hợp vận động viên tham gia tập luyện và thi đấu cho đơn vị khác thì sẽ không được hưởng chế độ ngay tại thời điểm vận động viên ký hợp đồng đào tạo, huấn luyện hoặc thi đấu cho đơn vị khác.

#### **Điều 5. Chế độ tiền thưởng dành cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế**

1. Ngoài mức tiền thưởng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền trung ương chi trả cho huấn luyện viên, vận động viên tham gia đội tuyển quốc gia đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, tỉnh Khánh Hòa thưởng thêm bằng 50% mức tiền thưởng quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

2. Mức thưởng bổ sung của tỉnh được áp dụng cho huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi được cơ quan có thẩm quyền cử đi hoặc thống nhất cử đi (giới thiệu, cho phép) tham dự và đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế.

3. Việc chi trả tiền thưởng thực hiện một lần sau khi vận động viên, huấn luyện viên hoàn thành nhiệm vụ và được công nhận thành tích của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 6. Chế độ tiền thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia**

1. Đối với thi đấu cá nhân

a) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải vô địch quốc gia hàng năm.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Giải thi đấu               | Mức thưởng      |                |                 | Phá kỷ lục được thưởng thêm |
|----|----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|-----------------------------|
|    |                            | Huy chương vàng | Huy chương bạc | Huy chương đồng |                             |
| 1  | Đại hội Thể thao toàn quốc | 40              | 20             | 10              | 10                          |
| 2  | Giải vô địch quốc gia      | 15              | 8              | 5               | 5                           |

b) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải cúp vô địch quốc gia, giải đội mạnh, giải các câu lạc bộ, giải nhóm vận động viên xuất sắc quốc gia, giải vô địch trẻ quốc gia: Mức thưởng bằng 60% mức thưởng tại các giải vô địch quốc gia.

c) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải trẻ quốc gia và các giải thể thao cấp quốc gia khác: Mức thưởng bằng 50% thưởng tại các giải vô địch quốc gia.

d) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quần chúng và khu vực (trong nước): Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tại các giải vô địch quốc gia.

đ) Thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại giải vô địch các nhóm tuổi quốc gia, các giải thi đấu trẻ có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng như sau:

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức quy định tại giải tương ứng.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức quy định tại giải tương ứng.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức quy định tại giải tương ứng.

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức quy định tại giải tương ứng.

## 2. Thưởng đối với nội dung thi đấu đôi và những môn thể thao tập thể

Đối với nội dung thi đấu đôi và các môn thể thao tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng cá nhân tương ứng đối với từng giải thể thao tại khoản 1 Điều này.

## 3. Thưởng đối với những môn thể thao đồng đội

Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được hưởng khi lập thành tích theo quy định của

Điều lệ Giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng đối với từng giải thể thao tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với môn thi đấu tập thể (bóng đá sân lớn, bóng chuyền trong nhà, bóng chuyền bãi biển, bóng đá bãi biển, bóng rổ, ...) nếu lập thành tích vượt qua vòng bảng, vòng tứ kết, vòng bán kết tại Đại hội Thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia được thưởng như sau:

Vòng bảng 1.000.000 đồng/người, vòng tứ kết 2.000.000 đồng/người, vòng bán kết 3.000.000 đồng/người (bao gồm tất cả các thành viên của đội). Riêng giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, các giải trẻ có quy định lứa tuổi, thì mức thưởng bằng 50% quy định tại khoản này. Các mức thưởng quy định tại khoản này không được cộng dồn; vận động viên và các thành viên của đội chỉ được hưởng mức thưởng của vòng cao nhất đạt được.

#### **Điều 7. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia**

Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc gia được hưởng mức thưởng như sau:

1. Huấn luyện viên đào tạo, huấn luyện vận động viên lập thành tích có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau:

Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 vận động viên tham gia thi đấu trở lên, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

3. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc:

Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%; huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% (nếu có).

#### **Điều 8. Mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt thành tích thi đấu tại các kỳ đại hội, giải thể thao do cấp tỉnh tổ chức hoặc đăng cai tổ chức**

Mức thưởng tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 9. Chế độ lưu trú, đi lại trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu**

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và người được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử tham gia phục vụ đoàn trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được thanh toán chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định tại Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

### **Điều 10. Kinh phí thực hiện**

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý nhà nước và các nguồn thu, tài trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 11. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các chế độ, chính sách đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hưởng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành đến hết thời gian được hưởng, trừ trường hợp văn bản pháp luật có quy định khác.

2. Đối với thành tích thể thao đã đạt được trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định hưởng chế độ, chính sách thì việc xét hưởng được thực hiện theo quy định tại thời điểm vận động viên đạt thành tích. Trường hợp quy định tại thời điểm đạt thành tích chưa có chế độ, chính sách tương ứng thì không áp dụng chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này để xét hưởng đối với thành tích đó.

3. Đối với các đợt tập trung tập huấn, thi đấu đã bắt đầu trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và kết thúc sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực, chế độ, chính sách được thực hiện theo quy định tương ứng áp dụng trước ngày Nghị quyết có hiệu lực đối với thời gian trước ngày Nghị quyết có hiệu lực và theo quy định tại Nghị quyết này đối với thời gian kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2026 và thay thế các Nghị quyết sau đây:

a) Điều 4, Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ ưu đãi đối với ngành y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao;

b) Nghị quyết số 13/2012/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Quy định chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Khánh Hòa;

c) Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Quy định một số nội dung về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Khánh Hòa;

d) Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

đ) Khoản 1, khoản 2, điểm đ và điểm e khoản 4 Điều 3 của Quy định nội dung, mức chi đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ, tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2026./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, AV, Tm.

**CHỦ TỊCH**



**Lâm Đông**



### Phụ lục

Sau hành kèm theo Nghị quyết số 43/2026/NQ-HĐND ngày 15/10/2026  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

### Phụ lục I

## MỨC ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO QUỐC GIA, QUỐC TẾ

(Đơn vị tính: đồng/người/tháng)

| TT | Hệ thống thi đấu                                    | Thành tích                          | Mức hưởng  | Thời gian hưởng |
|----|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|------------|-----------------|
| 1  | Đại hội thể thao trẻ thế giới (Youth Olympic Games) | Huy chương vàng                     | 30.000.000 | 48 tháng        |
|    |                                                     | Huy chương bạc                      | 20.000.000 |                 |
|    |                                                     | Huy chương đồng                     | 15.000.000 |                 |
| 2  | Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)                     | Huy chương bạc                      | 15.000.000 | 48 tháng        |
|    |                                                     | Huy chương đồng                     | 10.000.000 |                 |
| 3  | Vô địch thế giới từng môn                           |                                     |            |                 |
| a  | Nhóm I                                              | Huy chương vàng                     | 20.000.000 | 12 tháng        |
|    |                                                     | Huy chương bạc                      | 15.000.000 |                 |
|    |                                                     | Huy chương đồng                     | 10.000.000 |                 |
| b  | Nhóm II                                             | Bằng 70% điểm a khoản 3 Phụ lục này |            |                 |
| c  | Nhóm III                                            | Bằng 50% điểm a khoản 3 Phụ lục này |            |                 |
| 4  | Vô địch châu Á từng môn                             |                                     |            |                 |
| a  | Nhóm I                                              | Huy chương vàng                     | 18.000.000 | 12 tháng        |
|    |                                                     | Huy chương bạc                      | 14.000.000 |                 |
|    |                                                     | Huy chương đồng                     | 9.000.000  |                 |
| b  | Nhóm II                                             | Bằng 70% điểm a khoản 4 Phụ lục này |            |                 |
| c  | Nhóm III                                            | Bằng 50% điểm a khoản 4 Phụ lục này |            |                 |
| 5  | Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)             | Huy chương vàng                     | 17.000.000 |                 |
|    |                                                     | Huy chương bạc                      | 13.000.000 |                 |
|    |                                                     | Huy chương đồng                     | 8.000.000  |                 |

|   |                             |                 |            |          |
|---|-----------------------------|-----------------|------------|----------|
| 6 | Vô địch Đông Nam Á từng môn |                 |            |          |
| a | Nhóm I                      | Huy chương vàng | 15.000.000 | 12 tháng |
| b | Nhóm II                     | Huy chương vàng | 10.000.000 |          |
| c | Nhóm III                    | Huy chương vàng | 5.000.000  |          |
| 7 | Đại hội Thể thao toàn quốc  | Huy chương vàng | 15.000.000 | 12 tháng |
|   |                             | Huy chương bạc  | 5.000.000  |          |
| 8 | Vô địch quốc gia từng môn   |                 |            |          |
| a | Nhóm I                      | Huy chương vàng | 6.000.000  | 12 tháng |
| b | Nhóm II                     | Huy chương vàng | 4.000.000  |          |
| c | Nhóm III                    | Huy chương vàng | 3.000.000  |          |



|                                                               |            |           |           |
|---------------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|
| - Toàn đoàn Đại hội Thể dục thể thao tỉnh                     | 15.000.000 | 9.000.000 | 6.000.000 |
| - Toàn đoàn các giải thể thao cấp tỉnh (trừ Hội thi thể thao) | 2.200.000  | 1.400.000 | 1.000.000 |
| - Toàn đoàn Hội thi thể thao cấp tỉnh                         | 8.000.000  | 5.000.000 | 3.000.000 |

- Số lượng vận động viên tham gia thi đấu cho một nội dung môn hoặc một môn do Điều lệ giải quy định, bao gồm cả các vận động viên dự bị.

- Môn thể thao tập thể dưới 15 người là môn thể thao có số lượng vận động viên của một đội đăng ký tham gia thi đấu dưới 15 người theo quy định tại Điều lệ giải thể thao hoặc quy định do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.

## 2. Mức thưởng đối với giải khác

- Đối với Đại hội Thể dục thể thao tỉnh, mức thưởng đồng hạng từ hạng 4 đến hạng 5 bằng 70% so với mức thưởng giải Ba toàn đoàn Đại hội Thể dục thể thao tỉnh; mức thưởng đồng hạng từ hạng 6 đến hạng 8 bằng 60% so với mức thưởng giải Ba toàn đoàn Đại hội Thể dục thể thao tỉnh.

- Đối với môn thi đấu tập thể, giải khuyến khích không quá 02 giải cho 01 môn thi đấu; mức thưởng mỗi giải không quá 70% mức thưởng đạt huy chương đồng của môn đó.

- Danh hiệu thủ môn xuất sắc; vận động viên xuất sắc; vận động viên ghi nhiều bàn thắng nhất trong giải đấu; vận động viên chuyên hai xuất sắc và các danh hiệu tương tự theo quy định tại Điều lệ giải được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mỗi danh hiệu không quá 01 giải; mức thưởng bằng mức thưởng Huy chương vàng cá nhân.

- Giải phong cách: Chỉ áp dụng với những môn tập thể và không quá 01 giải thưởng cho một giải thi đấu; mức tiền thưởng không quá 70% so với mức thưởng giải khuyến khích./.